

TRỞ VỀ ĐẠO PHẬT NGUYÊN CHẤT ĐỂ PHỤNG SỰ NHÂN SINH

Thích Nhật Từ

Trả lời vấn đáp trong mùa An cư tại Tịnh xá Trung Tâm, ngày 27/5/2014

Phiên tả: Vũ Thị Tuyền. Biên tập phiên tả: Giác Tâm Hy

Kính bạch chư tôn đức, phần chia sẻ sau đây sẽ được thực hiện dưới hình thức vấn đáp. Lợi thế của vấn đáp là chúng ta có thể đào sâu vào một vấn đề mà đôi lúc khi tham khảo trong sách vở hoặc trên internet chúng ta khó có thể tìm được những lời giải đáp.

Câu hỏi 1: Phật giáo Việt Nam cần phải có những bước đi cụ thể gì để thoát khỏi ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc, quay lại với đạo Phật gốc?

Trả lời: Đây là câu hỏi lớn, liên hệ đến quyết định của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Do vậy, việc trao đổi dưới đây chỉ là quan điểm cá nhân của riêng tôi.

Trước hết, theo tôi, chúng ta phải mạnh dạn đánh giá lại giá trị và giới hạn của các pháp môn được Phật giáo Việt Nam tiếp nhận từ Phật giáo Trung Quốc. Khi đánh giá bằng các thống kê xã hội học cụ thể, ta sẽ rút ra được những kết luận nhất định.

Vào năm 1945, dân số của nước Việt Nam khoảng 25 triệu người, trong đó Phật tử chiếm 80%. Đến năm 2013 chúng ta có trên dưới 90 triệu dân và số lượng Phật tử chỉ còn lại 38%. Đó là dữ liệu giúp ta đánh giá cách thức làm đạo của Phật giáo. Chúng ta phải thừa nhận rằng không phải cái gì của Phật giáo Trung Quốc truyền bá đều đúng và cần được tôn thờ như chân lý. Thước đo bằng thống kê trên sẽ giúp ta tránh được những quan điểm trái ngược: theo hay không theo, chịu ảnh hưởng hay không chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc.

Thứ hai, chúng ta nên dựa vào lời dạy của Đức Phật: Lấy dữ liệu văn hóa gốc và ngôn ngữ bản địa làm cơ sở để truyền bá Phật giáo cho người bản địa. Theo tinh thần này, ta cần mạnh dạn “Việt Nam hóa đạo Phật”. Cho đến thời điểm hiện nay, các nước có phong cách tiếp biến văn hóa tốt gồm có Trung Quốc, Tây Tạng và các nước Nam tông. Trung Quốc đã Trung Quốc hóa đạo Phật. Tây Tạng đã Tây Tạng hóa đạo Phật. Các nước Nam tông đã Nam tông hóa đạo Phật. Đó là những mô hình điển mẫu về tiếp biến văn hóa trong việc truyền bá Phật giáo. Chúng ta cũng cần Việt Nam hóa Đạo Phật, theo cách riêng của người Việt Nam.

Từ năm 2006, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM đã thành lập khoa Phật giáo Việt Nam (Department of Vietnamese Buddhism), giới thiệu các nét đặc sắc của lịch sử, triết học, văn học, kiến trúc, mỹ thuật, tông phái, trường phái, cách làm đạo, báo chí, văn hóa đời thực... của Phật giáo Việt Nam. Hiện nay Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM là trường Phật học duy nhất có khuynh hướng này. Ba Học viện Phật giáo Việt Nam còn lại như tại Hà Nội, Huế và Cần Thơ, 09 Trường Cao đẳng Phật học, 33 Trường Trung cấp Phật học gần như chỉ giảng dạy về thiền Trung Quốc, pháp môn Tịnh độ Trung Quốc, về các cao tăng Trung Quốc. Phần lớn các trường Phật học tại Việt Nam ít dạy về cao tăng của Việt Nam. Đây là biểu hiện của sự mặc cảm, tự ti dân tộc. Nói cách khác, GHPGVN cần có chính sách cải cách giáo dục Phật giáo một cách toàn diện từ các cấp học Phật học. Tại bất kỳ cấp học Phật học nào, chúng ta cũng cần thể hiện được tinh thần dân tộc về Phật giáo, lấy văn hóa Phật giáo Việt Nam làm nền tảng.

Thứ ba, GHPGVN cần có Sắc lệnh về văn hóa Phật giáo Việt Nam, trong đó ghi rõ các quy định về bản sắc văn hóa của Phật giáo Việt Nam trong kiến trúc, mỹ thuật chùa, phong cách tượng Phật, cách thờ phượng, nghi thức đọc tụng, văn hóa ẩm thực, văn hóa y phục, văn hóa ứng xử, văn hóa truyền đạo của cộng đồng Phật giáo Việt Nam, vốn phải khác với các quốc gia còn lại, vì mỗi quốc gia có bối cảnh văn hóa riêng. Hiện nay, du khách quốc tế khi vào chùa Việt Nam cứ có cảm giác là đang vào chùa Trung Quốc ở Việt Nam, bởi các yếu tố mang nét riêng Việt Nam quá ít.

Điều bốn, phải mạnh dạn thấy rõ rằng đức Phật chỉ truyền dạy pháp môn duy nhất là Tứ diệu đế. Cốt lõi của Tứ diệu đế là tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề trên nền tảng nhân quả, và con đường để kết thúc toàn bộ khổ đau của kiếp người là Bát chính đạo. Đức Phật Thích Ca chưa từng dạy pháp môn thứ hai. Khái niệm 84,000 pháp môn do Trung Quốc đặt, đã gây ra ngộ nhận lớn và đẩy đức Phật vào tình thế bị người ta hiểu lầm là tự mâu thuẫn. Nếu đi theo pháp môn một thì đức Phật mâu thuẫn với 83999 pháp môn còn lại. Một người tự mâu thuẫn với quan điểm chính của mình một lần thôi đã đánh mất niềm tin ở quần chúng, huống hồ là mâu thuẫn chừng ấy các quan điểm. Vì Trung Quốc muốn đề cao các pháp môn mà họ sáng tạo, theo phong cách tiếp biến văn hóa của họ, nên họ đã đặt ra con số 84,000 pháp môn.

Đó ai tìm ra được pháp môn thứ hai ngoài Tứ diệu đế trong kinh tạng Pali, kinh tạng A-hàm và kinh tạng Đại thừa. Mười tông phái Phật giáo Trung Quốc là nỗ lực riêng của nền văn hóa Phật giáo Trung Quốc, không can dự gì đến Phật giáo Việt Nam. Cái hay, cái dở đó là dành cho người Trung quốc, chứ không phải cho người Việt Nam. Nếu Trung Quốc hãnh diện tự hào về mười tông phái và đề cao ngài Huệ Năng như ngài Phật sống, thì Việt Nam chúng ta có ngài Trần Nhân Tông, vị vua duy nhất trên hành tinh đi tu, trở thành một nhà minh triết lỗi lạc, vượt trội hơn cả ngài Huệ Năng. Về triết lý và các đặc điểm thì Phật giáo Việt Nam không thua kém gì Phật giáo trong khu vực và trên toàn cầu, do đó Phật giáo Việt Nam không cần thiết phải vay mượn Phật giáo các nước khác.

Chúng ta hãy cùng suy ngẫm lại câu chuyện trong *Kinh Pháp Hoa*. Khi nghe Đức Phật giới thiệu về kỹ năng truyền đạt, chứng minh, chứng ngộ và thể nhập tuệ giác Phật, rất nhiều Bồ-tát đến từ các hành tinh khác đã tình nguyện ở lại hành tinh Ta-bà khổ đau này để truyền bá tuệ giác Phật. Đức Phật tán dương và ghi nhận sự phát tâm vĩ đại của họ. Nhưng Đức Phật đã không dùng đến nguồn nhân lực ngoại lai đó. Ngài nói với các vị Bồ-tát rằng: "Thưa các Bồ-tát, cõi Ta-bà mặc dầu căn cơ của con người còn thấp kém, cũng có các Bồ-tát tiềm năng, họ có thể làm được công việc vĩ đại như các vị". Vừa dứt lời, từ dưới đất vọt lên các vị Bồ-tát mới toanh, tu tập giới đức, phát triển thiền định, chứng đắc trí tuệ, dần thân nhập thế, làm đạo và truyền bá "khai, thị, ngộ, nhập" tuệ giác Phật.

Trong mảnh đất tâm, mọi người đều có kho tàng của các tiềm năng, cũng giống như trái đất có rất nhiều quặng mỏ. "Bồ-tát từ dưới đất vọt lên" là hình tượng của tiềm năng trở thành hiện thực, nếu biết khai thác đúng, dùng những chiếc chìa khóa đúng. Các vị Bồ-tát từ dưới đất vọt lên là nguồn nhân lực bản địa, mang gốc rễ văn hóa bản địa. Các vị Bồ-tát đến từ các hành tinh khác, có kinh nghiệm hơn nhiều, tượng trưng cho các quốc gia có quan hệ song phương, quan hệ chiến lược, quan hệ toàn diện, quan hệ liên minh, quan hệ chính trị và nhiều quan hệ khác với quốc gia nào đó. Không nên lệ thuộc vào các mối quan hệ, dầu là đồng minh. Bồ-tát ở các

hành tinh khác cũng là học trò của Đức Phật, nhưng Ngài chưa cần tới họ. Ngài sử dụng nguồn nhân lực Bồ-tát mới ở cõi Ta-bà này để truyền bá đạo Phật.

Như vậy, dựa vào đạo Phật gốc trong văn hệ Pali và Đại thừa, ta thấy rất nhiều triết lý sâu sắc có thể giúp tôn vinh Phật giáo Việt Nam. Nói cách khác, chúng ta phải có các chính sách bằng các pháp lệnh Phật giáo về vấn đề nêu trên. Bằng cách này, sự cải cách Phật giáo sẽ được diễn một cách toàn diện từ trung ương đến địa phương. Bằng không như thế, những nỗ lực đơn lẻ sẽ trở thành tự phát, những tiếng nói sẽ trở thành lẻ loi, những con chim sẽ không thể tạo thành mùa xuân, những hạt cát sẽ không thể trở thành sa mạc. Không khéo, những tiếng nói đó sẽ bị kháng cự bởi đa số quần chúng có cái nhìn thủ cựu.

Trở về với đạo Phật gốc, chúng ta sẽ thấy phương pháp tâm linh của đức Phật là toàn diện hơn, thiết thực hơn, siêu việt thời gian hơn, hiệu quả hơn, và làm cho đại đa số các thành phần trong xã hội có cơ hội đến với đạo Phật hơn. Trong quá trình biên tập kinh điển mấy trăm năm sau khi đức Phật qua đời, hẳn có tình trạng, có những lời đức Phật nói quá sâu nhưng do giới hạn ký ức người ta đã quên đi, và dĩ nhiên, có một số điều không do Phật nói ra nhưng lại được các nhà biên tập thêm vào. Đây là những điều có khả năng xảy ra. Dù sao đi nữa, các kinh điển Pali vẫn là nguồn văn liệu khả tín nhất để chúng ta dựa vào đó loại bớt những ảnh hưởng do phong tục tập quán, văn hóa tôn giáo ở những nơi đạo Phật có mặt trong quá trình truyền bá Phật giáo.

Khi tồn tại những mâu thuẫn giữa kinh điển A với kinh điển B, ta được quyền đặt vấn đề và truy tìm nguồn gốc của nó thông qua phân tích văn bản học. Bằng cách này, sự tranh biện về tác giả của những lời kinh Phật dạy được hạn chế một cách tối đa, nhờ đó, tính hòa hợp Tăng đoàn được bảo đảm. Theo cách này, việc áp dụng triết lý đạo Phật vào đời sống thực tiễn có khả năng cứu vãn tình trạng dân số Phật tử ngày càng bị giảm đi ở châu Á, trong đó có Việt Nam, đang khi sự tăng trưởng dân số Phật tử châu Âu, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi chỉ là thiểu số, không đáng kể.

Chúng ta đừng nên ngộ nhận và mừng rỡ khi thấy đạo Phật có mặt trên 170 quốc gia và lãnh thổ. Nếu phân tích về số lượng thực tế thì Phật giáo chưa đáng là một tôn giáo thiểu số ở các nước phương Tây. Có nhiều quốc gia chỉ có hai, ba tu sĩ. Tuần trước, tại giảng đường này, chúng ta nghe thượng tọa Chủ tịch Hội Phật giáo châu Phi cho biết: “Trong 56 quốc gia của châu Phi chỉ có chưa đầy 20 tu sĩ Phật giáo, chưa có được 10 ngôi chùa, như vậy làm sao truyền đạo thành công được?” Do đó, nếu không lấy các số liệu thực tiễn để đánh giá dân số Phật tử trên toàn cầu, chúng ta sẽ khó phát triển Phật giáo tại các quốc gia và khu vực mới.

Về tiếp biến văn hóa trong truyền đạo, tôi xin nêu ví dụ. Nếu như tượng Phật của Tây Tạng có gương mặt bằng, tượng Phật của Trung Quốc có gương mặt chữ điền thì tượng Phật của châu Phi trong tương lai nên có màu da là da đen, và tượng Phật Việt Nam phải mang gương mặt Việt Nam. Hiện nay, tại miền Nam, chỉ có vài ba chùa có tượng Phật mang phong cách Việt Nam, điển hình như chùa Ấn Quang, chùa Giác Ngộ và Chùa Thích Ca Phật đài. Nghe nói, nghệ nhân của các tượng Phật này chỉ sáng tác chừng đó thôi, rồi bỏ nghề, không làm tượng Phật nữa. Phần lớn các tượng Phật tại Việt Nam hoặc lai Trung Quốc, hoặc lai Đài Loan, hoặc lai Thái Lan, hoặc lai Miền Điện, hoặc lai Tây Tạng... hiếm có tượng Phật mang phong cách mỹ thuật Việt Nam.

Thời Lý có nền văn hóa Việt Nam độc lập, thoát khỏi ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Tượng Phật A-di-đà tại chùa Phật Tích ở Bắc Ninh là đỉnh cao của mỹ

thuật Phật giáo Việt Nam. Các hoa văn, họa tiết của thời Lý không “đụng hàng” với Trung Quốc, đẹp không thua kém gì họa tiết Trung Quốc. Nếu trở về với mỹ thuật Việt Nam thì cần ta lấy đời Lý làm nền tảng và thời Trần làm tham khảo.

Rất mong chư tôn đức cùng suy nghĩ thêm về vấn đề này. Mỗi người hãy cố gắng sáng tạo, phát minh ra những hướng đi để Phật giáo có mặt trong từng gia đình. Hãy làm đạo Phật trở thành truyền thống, hễ ai là Phật tử thì gia đình đó đều là Phật tử. Đạt được tiêu chuẩn đó, ta mới thành tựu được “tạo nhân duyên tốt lớn”, một trong năm tiêu chí vãng sanh Tây phương theo Tịnh độ tông trong Kinh A-di-đà.

Câu hỏi 2: Theo Thượng tọa, ngoài đời cũng như trong đạo, bối cảnh chính trị cũng như môi trường đạo pháp, để làm một cuộc cách mạng lớn liệu có khó không, có phức tạp không? Động lực nào sẽ dẫn tới sự thay đổi lớn?

Trả lời: Về vấn đề trọng đại đó, chúng ta cần phải đánh giá dưới hai góc độ: Hoàn cảnh thực tiễn và thái độ về hoàn cảnh đó.

Các khó khăn về hoàn cảnh không phải là nguyên nhân chính, nhưng thái độ về hoàn cảnh đã làm cho một số người ngại khó, sợ bị cô lập, bị chỉ trích, bị lên án. Điều này khiến cho các nỗ lực cải cách Phật giáo khó thành công. Thật ra, nền minh triết Đạo Phật quá sâu sắc và không cần tới cải cách. Cải cách tôi nói ở đây là việc điều chỉnh cách làm đạo, trở về với đức Phật lịch sử, và mỗi vị tăng sĩ là một công cụ, là cánh tay nối dài để làm tỏa sáng nền minh triết (pháp) và đạo đức (luật) của Đức Phật. Như vậy, cải cách Phật giáo không phải là tạo ra một trường phái mới, một hình thái Phật giáo mới, mà là quay trở về càng gần với đức Phật chừng nào thì càng thành công chừng đó.

Đại sư Thái Hư của Trung Quốc trong những thập niên đầu của thế kỷ 20 đã chủ xướng cải cách Phật giáo, gồm cải cách giáo lý, cải cách hành chính Phật giáo và cải cách giáo sản, tức là làm kinh tế để có tài chính làm các Phật sự. Cải cách giáo lý thì không cần bởi vì không ai có tuệ giác hơn đức Phật. Chúng ta cần giải thích giáo lý đúng với lời Phật dạy. Bản chất giáo pháp của đức Phật là không thay đổi. Điều chúng ta cần thay đổi là cách lý giải về đạo Phật cũng như cách ứng dụng Phật pháp trong đời sống.

Trong bối cảnh của Việt Nam thì những điều sau đây là trở ngại lớn cho cải cách Phật giáo Việt Nam. Thứ nhất, phần lớn lãnh đạo Phật giáo của Việt Nam trên toàn quốc theo môn phái Tịnh độ tông và trường phái này đã có chỗ đứng vững trong lịch sử Việt Nam gần 2000 năm rồi. Thực phẩm tạo thành thói quen tiêu thụ, kinh điển và cách thức hành trì tạo thành thói quen làm đạo. Thói quen làm cho người ta dễ kháng cự những gì khác và xa lạ với mình, giống như kháng thể có khuynh hướng nếu không loại trừ các vật lạ có mặt trong cơ thể thì công việc của nó làm là khoanh vùng vật lạ đó lại, không để vật lạ này lan rộng trong cơ thể. Tương tự, nếu không khéo, ta sẽ tạo ra một “hệ thống kháng thể” từ một trường phái Phật giáo đã quá mạnh tại Việt Nam, sẵn sàng ngăn chặn những quan điểm khác và không tán đồng khuynh hướng quay trở về với đạo Phật gốc.

Do đó, khi thực hiện việc đổi mới đạo Phật, ta phải xác định rất rõ rằng đây không phải là việc lập ra một trường phái Phật giáo mới để ta trở thành một vị tổ sư mới. Ta chỉ đang trở thành một công cụ giúp cho lời Phật dạy được nhiều người tiếp nhận hơn mà thôi. Lấy đức Phật làm hệ quy chiếu, lấy chính pháp làm cơ sở chân lý để ta tránh bị hiểu lầm, hiểu sai, khi đó sự hưởng ứng cho phong trào quay trở về với đức Phật gốc mới dễ dàng thực hiện thành công.

Điều hai, phong trào cải cách Phật giáo cần có tinh thần đề cao Tam bảo và việc truyền bá Phật pháp cần phải được thực hiện bằng ít nhất là một nhóm nhân sự có cùng quan điểm và khuynh hướng. Nhóm hạt giống đó có thể bao gồm các tu sĩ đến từ các trường phái Phật giáo khác nhau, nhưng có cùng lý tưởng, bất chấp sự khác biệt hoặc phản đối từ những người đồng tu trong trường phái mà mình đang là thành viên. Nếu nhóm hạt giống này làm việc một cách có tổ chức, có phương pháp, có sự chia sẻ kinh nghiệm, có những nỗ lực vượt qua khó khăn thì từ một mô hình thí điểm thành công, phong trào cải cách sẽ được nhân rộng ra nhiều nơi khác. Nếu không có mô hình thành công đó thì ta dù có nghe biết cũng chỉ khen suông, chứ không theo. Do đó, phong trào cải cách Phật giáo cần đến chất xám tập thể và các bàn tay của nhiều chư tôn đức.

Điều ba, một trong những hướng đi tạo ra sự cải cách Phật giáo là thay đổi toàn bộ nghi thức tụng niệm trong các chùa, vốn ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc. Nghi thức tụng niệm của Việt Nam hiện nay chia thành bốn thời vào các buổi khuya, trưa, chiều, tối, chủ yếu nhắm tới các đối tượng: Người già và người bệnh (nghi thức cầu an), người chết (nghi thức cầu siêu) và người có tội (nghi thức sám pháp).

Các nghi thức ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc không giới thiệu các bài kinh về thế giới quan, nhân sinh quan, xã hội quan, đạo đức quan, tu tập quan và giải thoát quan. Hệ quả là, nhiều thành phần xã hội đã đánh giá đạo Phật quá thấp hoặc vô tình hiểu sai đạo Phật, đang khi phần lớn giới trí thức, giới chính trị, giới kinh doanh và giới trẻ quay lưng lại với đạo Phật.

Trong một nghi thức, tạm gọi là nghi thức cộng thông được sử dụng trên toàn quốc phải bao gồm ít nhất các nhóm kinh vừa nêu. Mỗi nhóm kinh nên chọn trung bình năm đến mười bài kinh. Toàn bộ nghi thức cộng thông này có thể lên tới một ngàn trang. Nếu đọc trung bình 45 phút/ thời Kinh, tức khoảng 20-25 trang sách mỗi lần tụng, thì sau khi đọc xong một ngàn trang với khoảng 70 bài kinh, khó có thể xảy ra trường hợp người ấy sẽ sống với mê tín và sợ hãi. Đơn giản vì người đọc tụng Kinh theo nghi thức tụng niệm mới sẽ hiểu rõ một cách toàn diện về những lời dạy minh triết và đạo đức của Phật, do vậy, các Phật tử sẽ bớt đi sự lệ thuộc vào tăng sĩ như hiện nay.

Phật tử tại gia có thể trực tiếp tu Phật mà không cần thông qua các bài kinh pháp môn. Theo chúng tôi, đây là vấn đề cốt lõi nhất. Nếu chúng ta không thay đổi nghi thức tụng niệm theo hướng thuần Việt, có nhiều bài kinh khác nhau thì các nỗ lực cải cách Phật giáo chỉ là các nỗ lực, không thể có kết quả thật sự.

Không riêng gì các nước theo trường phái Đại thừa ảnh hưởng từ Trung Quốc, ngay cả nghi thức tụng niệm tại các nước Phật giáo Nam tông do hoặc vua hoặc các học giả Phật giáo nổi tiếng biên soạn. Các nghi thức này thiên về phước báu, về quả phúc tái sinh về các cảnh giới an lành, nên sử dụng quá ít các bài kinh về đạo đức và xã hội của đức Phật. Các quốc gia Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia đi theo mô tuýp này.

Riêng Phật giáo Nam tông Việt Nam có các nghi thức khác nhau. Một nghi thức do hòa thượng Hộ Giác và nhóm đệ tử của hòa thượng ở Hoa Kỳ chủ xướng. Nhóm nghi thức thứ hai gắn với chùa Kỳ Viên, Q3, TP.HCM. Nhóm nghi thức thứ ba do Hòa thượng Bửu Chơn, người sáng lập ra trường phái Phật giáo Nam tông của người Kinh cách đây 60 năm. Ba nghi thức căn bản này khác nhau ít nhiều nhưng giống nhau ở chỗ chọn nhiều bài kinh khác nhau gồm kinh phước báu, kinh Tam bảo, kinh Tứ niệm xứ... nhằm giúp cho người đọc tụng có cơ hội tiếp xúc với

“buffet kinh điển”, thay vì “gạo lúc muối mè kinh điển”, tức là chỉ có một vài bài kinh theo phong cách của đạo Phật pháp môn của Trung Quốc.

Về phương diện cải cách nghi thức tụng niệm thì thiền sư Nhất Hạnh là người đi tiên phong. Vào năm 1994 ấn bản kinh điển "Làng Mai đại toàn" ra đời. Nghi thức "Làng Mai đại toàn" ấn bản năm 2000 hoàn chỉnh hơn. Các thời khóa được chia thành hai buổi sáng và chiều, trung bình mỗi buổi, hành giả đọc tụng từ một đến ba bài kinh; tổng số các bài kinh được đọc tụng trong một tuần lễ khoảng 25 bài. Như thế, ít nhất người đọc tụng không bị nhàm chán về tâm lý, bởi bất kỳ cái gì bị lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ dẫn tới việc đọc bằng thói quen, mà thói quen thì ít để cho lý trí dẫn dắt. Chưa đọc, người ta đã có cảm giác hiểu rồi. Thiền sư Nhất Hạnh đã hiểu rõ điều đó nên ngài giới thiệu khoảng 25 bài kinh trong nghi thức thuần Việt của ngài.

Cùng thời điểm này, tôi xuất bản cuốn "*Kinh tụng hàng ngày*" gồm 49 bài kinh của hai truyền thống Nam tông và Bắc tông, gồm 1000 trang. Năm 2011, tôi xuất bản cuốn "*Kinh Phật cho người mới bắt đầu*" với mười bài kinh căn bản, và năm 2013, tôi xuất bản quyển "*Kinh Phật cho người tại gia*," tuyển tập 63 bài kinh, phân làm năm nhóm kinh, bao gồm các kinh về đạo đức, các kinh về gia đình, xã hội, các kinh về triết lý, các kinh về thiền chuyển hóa và các kinh về Tịnh độ, nhằm giúp cho người tại gia có sự lựa chọn giữa các thực phẩm tâm linh một cách phong phú, tự bổ sung cho mình các thực phẩm tâm linh mà mình đang thiếu.

Điều bốn, các Phật tử cần phải ý thức rõ là không nên theo các chùa, các thầy một cách mù quáng. Phải dùng lý trí như đức Phật đã khích lệ trong bài kinh “Mười cơ sở của đức tin chân chính”. Các Phật tử không nên góp phần biến đạo Phật trở thành mê tín. Các Phật tử phải lấy chính tín làm nền tảng, không thờ thượng đế và thần linh trong nhà. Muốn thế thì phải học Phật pháp để không còn bị nỗi sợ hãi chi phối.

Các Phật tử phải siêng năng nghiên cứu Phật pháp và kinh điển, không nên quá bận tâm về phước báu. Có trí tuệ là có phước báu, có trí tuệ là thành tựu sự nghiệp, có trí tuệ là có hạnh phúc. Hãy đầu tư vào trí tuệ, thay vì tin vào sự ban phước, vào tính màu nhiệm, vào sự thiêng liêng vốn không có thật, ngoài nhân quả. Tất cả mọi thứ trong đời là quá trình của nhân quả, người mê tín thì giải thích đó là màu nhiệm, người có trí tuệ nói đó là tiến trình của nhân quả. Có làm có kết quả, có tu có an lạc, không có màu nhiệm ngoài nhân quả.

Đó là một số điều căn bản mà ta cần lưu tâm để cùng nỗ lực và cam kết tạo ra một đạo Phật theo phong cách Việt Nam sớm được thành công.

Câu hỏi 3: Thế nào là “đạo Phật nguyên chất” và thế nào là “đạo Phật pháp môn”?

Trả lời: Khái niệm “Đạo Phật nguyên chất” được tôi vay mượn từ thiền sư Nhất Hạnh trong tác phẩm cùng tên được xuất bản vài năm trở lại đây. Dùng khái niệm này chúng tôi muốn mô tả về một hình thái đạo Phật do chính đức Phật Thích Ca truyền bá và nó tồn tại đến 300 năm sau khi đức Phật qua đời. Trong văn học của Phật giáo thế giới, người ta gọi là Phật giáo giai đoạn đầu hay là Phật giáo sớm (Early Buddhism), ở Việt Nam thường gọi là Phật giáo nguyên thủy, mà đúng ra phải là Phật giáo Thượng tọa bộ (Theravada Buddhism). Phật giáo nguyên thủy là một khái niệm gây ra các tranh cãi và mâu thuẫn hệ phái. “Nguyên chất” ở đây chỉ cho những lời dạy của đức Phật, chưa có sự chỉnh sửa của các nhà biên tập kinh

điền. Đạo Phật nguyên chất lấy Tứ diệu đế làm pháp môn duy nhất, cách thức tu tập được thể hiện qua bát chính đạo với ba phương diện: đạo đức, thiền định, trí tuệ.

Cốt lõi của đạo Phật nguyên chất là xây dựng một thế giới an lạc và hạnh phúc bây giờ và tại đây, chứ không đưa ra những hứa hẹn cho con người sau cái chết. Đạo Phật nguyên chất xây dựng một hình thái đạo Phật cho hai đối tượng: Tại gia và xuất gia. Ai muốn giác ngộ, trở thành thánh nhân thì phải chọn con đường xuất gia, tu chuyển hóa tham ái và tính dục, những người còn lại là người tại gia, không bận tâm đến con đường giải thoát, vì có muốn cũng không được. Người tại gia sống đời sống đạo đức, tôn trọng luật pháp, không đảm nhiệm phước báu có được, trở thành những người giàu có, biết chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh và họ là cánh tay nối dài của minh triết Phật trong đời sống. Những ai không thỏa mãn với hạnh phúc thế tục thì có thể chọn con đường xuất gia.

Ngoài bát chính đạo, sự thực tập của đạo Phật nguyên chất còn liên hệ đến 37 phẩm trợ đạo mà nội dung của nó đều xoay quanh bát chính đạo, ở phương diện này hay phương diện khác. Yếu tố đa văn và trí tuệ được lặp lại vài lần. Điều này cho thấy đức Phật rất đề cao vai trò của trí tuệ trong việc chuyển hóa khổ đau.

“Đạo Phật pháp môn” là khái niệm chúng tôi sử dụng để chỉ “đạo Phật tổ sư” do Trung Quốc khởi xướng, lấy những vị khai sáng tông phái làm hệ quy chiếu chân lý. Đạo Phật tổ sư và đạo Phật pháp môn dựa vào một (vài) bài kinh, tối đa là ba bài kinh làm nền tảng giới thiệu đạo Phật. Cách làm đạo này mang tính phiến diện. Những bài kinh khác thì các hành giả theo các pháp môn này được kích lệ không nên đọc.

Trong đạo Phật tổ sư hay đạo Phật pháp môn, phương pháp chính của đức Phật không được giới thiệu đến. Ý chủ quan của các vị tổ sư sáng lập ra pháp môn đã được mọi người nâng lên thành chân lý. Chẳng hạn Pháp Hoa tông thì lấy *Kinh Pháp Hoa* làm nền tảng, nhưng nội dung của *Kinh Pháp Hoa* quá cao siêu, không phù hợp với Phật tử sơ cơ. Tại các trường đại học trên thế giới, *Kinh Pháp Hoa* được giảng dạy cho sinh viên thạc sĩ năm thứ hai. Ở Mỹ và Nhật, *Kinh Pháp Hoa* được dạy ở cấp tiến sĩ năm thứ nhất. Trong khi đó, tại Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và Nam Bắc Triều, *Kinh Pháp Hoa* được sử dụng đọc tụng như kinh điển vỡ lòng cho người mới bắt đầu. Thực tế, Phật tử sơ cơ chưa đủ kiến thức để hiểu *Kinh Pháp Hoa*. Hiểu không nổi thì mê tín kinh điển, họ chỉ chú trọng vào bảy ngàn hai trăm công đức mà *Kinh Pháp Hoa* mô tả. Thế là từ một bài kinh triết lý, *Kinh Pháp Hoa* trở thành một bài kinh tín ngưỡng cho người tín ngưỡng.

Cực đoan hơn, nhiều người đọc một chữ Kinh thì lạy một lạy, tức là tín ngưỡng hóa kinh điển, thay vì ứng dụng trí tuệ của kinh điển để giải quyết các vấn nạn khổ đau. Như vậy, các vị tổ sư sáng lập tông phái và pháp môn thích cái gì thì chỉ truyền đạt và giới thiệu cái đó. Do đó, người theo đạo Phật pháp môn sẽ không hiểu được đạo Phật một cách toàn diện, mà lẽ ra, cần phải như thế.

Vì vậy, muốn trở về với đức Phật gốc và đạo Phật gốc, chúng ta cần thấy rõ rằng đạo Phật nguyên chất vốn vượt lên trên rất cao so với đạo Phật tổ sư và đạo Phật pháp môn. Nếu không nhìn ra vấn đề này, ta sẽ không mạnh dạn làm, hoặc khi làm chỉ cần bị phê bình, chỉ trích, chúng ta sẽ bỏ cuộc giữa chừng. Không ít người lý luận rằng, mấy chục thế kỷ đã trôi qua, bao nhiêu vị Bồ-tát, bao nhiêu vị A-la-hán, bao nhiêu tổ sư chấp nhận đạo Phật tổ sư, đạo Phật pháp môn, tại sao bây giờ chúng ta phải đặt lại vấn đề. Ông/ bà đặt vấn đề đó có bằng các vị tổ sư, các vị cao tăng, A-la-hán, Bồ-tát không? Đó là cách lý luận theo kiểu "cả vú lấp miệng em". Ta có thể vận dụng cùng phương thức đó để lý luận như sau: Các vị tổ sư, A-la-hán, Bồ-tát

có bằng với đức Phật không? Câu trả lời là không. Như vậy, tại sao chúng ta không theo Phật mà phải theo tổ Trung Quốc?

Sau khi nhận diện sự khác biệt giữa đạo Phật nguyên chất và đạo Phật tổ sư, công việc làm đạo của chúng ta là “không phải tôn vinh mình mà là tôn vinh Phật; không phải ca ngợi kiến thức của mình, cách làm đạo của mình, mà thông qua đó để ca ngợi chính pháp.” Chúng ta không phải là người giỏi, mà vì chính pháp của đức Phật quá siêu việt, cho nên chỉ cần làm đúng 50% thôi, chúng ta đã trở nên vĩ đại rồi. Huống hồ, chúng ta tiếp cận và sử dụng càng nhiều những lời dạy nguyên chất của đức Phật.

Không ai có thể phủ nhận một điều rằng càng xa thời của đức Phật thì càng có thể xảy ra sự biến tập, sự lý giải khác với những gì mà đức Phật chủ trương. Ngày nay chúng ta có lợi thế là được sống trong thời kỳ kỹ thuật số trở thành một công cụ mới, một loại phước báu mới. Trước đây, để có được một quyển kinh là rất khó. Kinh viết trên lá bổi, khắc trên đá, kinh bản đồng, kinh bản gỗ, kinh bản giấy... tốn rất nhiều tiền, nhiều công sức, vì thế, việc truyền bá kinh cho quảng đại đa số là rất nan giải. Bây giờ, chúng ta có kinh điện dạng internet, kinh điện dạng sách nói... Chùa Giác Ngộ đi tiên phong trong lĩnh vực âm thanh hóa Kinh điển. Từ năm 2004 chùa Giác Ngộ đã truyền bá kinh điển sách nói miễn phí, do các giọng đọc tiêu chuẩn của các phát thanh viên đài truyền hình, đài truyền thanh TP. Hồ Chí Minh thực hiện.

Trong tương lai, theo dự đoán của chúng tôi, kinh sách dạng giấy sẽ mất dần chỗ đứng. Tới một lúc nào đó, kinh sách in sẽ ngưng xuất bản, thay vào đó là kinh sách dạng E-book, audio-book. Chỉ cần có một Ipad hoặc Iphone, chúng ta có thể trữ cả một thư viện Kinh, dễ dàng mang theo người, đọc bất cứ lúc nào mà không tốn tiền bao nhiêu. Có lẽ chừng bảy chục năm sau, vai trò của E-book sẽ mờ nhạt dần và thay vào đó là sách vở và kinh điển nói dạng âm thanh, rất tiện. Với kinh sách nói, chúng ta có thể vừa nghe vừa làm các việc khác. Đó là khuynh hướng phát triển chung của thế giới mà chúng ta không thể cưỡng lại được, không thể đi ngược được.

Đạo Phật Đại thừa dạy chúng ta sử dụng trí tuệ phương tiện, tận dụng các công cụ mới, các phương tiện mới nhằm giới thiệu Phật pháp. Nếu không làm mới cách làm đạo, chúng ta sẽ bị bỏ lại sau lưng bởi các tôn giáo khác. Nếu biết khéo léo sử dụng các phương tiện hiện đại để giới thiệu đạo Phật nguyên chất, chúng tôi tin rằng trong thời gian 10 năm, 20 năm, sự mê tín dị đoan của quần chúng Phật tử sẽ giảm dần. Không có tăng sĩ nào có thể đi thuyết pháp khắp mọi nơi vì sức khỏe và thời gian không cho phép. Nếu sử dụng các phương tiện hiện đại để truyền bá Phật pháp thì đồng nghĩa với việc tạo ra các giảng sư di động, các giảng đường di động cho quần chúng ở mọi lúc, mọi nơi.

Chùa Giác Ngộ có bốn trang websites. Trang www.daophatngaynay.com giới thiệu Đạo Phật dưới hình thức học thuật. Trang www.chuagiacngo.com giới thiệu kinh sách Phật giáo, sách nói Phật giáo, âm nhạc Phật giáo và mấy ngàn bài giảng Phật pháp. Trang www.phatam.com giới thiệu âm nhạc, phim ảnh, sách nói, và trên hai chục ngàn video pháp thoại của gần một trăm giảng sư trong nước và nước ngoài để quần chúng Phật tử dễ dàng lựa chọn. Trang www.banhoangphap.com tuyển tập khoảng 1000 bài giảng của các giảng sư của khóa tu một ngày an lạc. Đây chính là nguồn tham khảo tốt cho các Phật tử sống tại những nơi không có Tăng bảo, hoặc ở nơi thiếu giảng sư.

Điều chúng tôi mơ ước là khi hình thái đạo Phật nguyên chất được phát triển mạnh thì ở tất cả ngôi chùa các vị trụ trì đều phải giảng kinh thuyết pháp tối thiểu một tuần một lần vào ngày chủ nhật. Chùa lớn, chùa vừa, chùa nhỏ đều phải tổ chức thuyết giảng cho quần chúng. Hiện nay, trên 70% các chùa không có thuyết giảng, nhiều tỉnh hội Phật giáo lớn chỉ có một hoặc hai giảng đường. Như thế, việc Phật tử bị mù chữ Phật pháp là điều dễ hiểu.

Nhiều tăng sĩ quá thờ ơ với hạnh phúc của Phật tử nên đã đánh mất trách nhiệm truyền bá lời Phật dạy cho họ một cách có hệ thống, giúp họ nương vào lời Phật, dạy sống hạnh phúc hơn, gia đình của họ an lạc và phát triển bền vững hơn. Để làm được việc này, sự góp mặt của tất cả chư tôn đức là một nhu cầu không thể thiếu.

Câu hỏi 4: Ngày nay phải nương vào đâu để tứ chúng đồng tu đều có kết quả, như Thọ Bát Quan Trai được hướng dẫn cho Phật tử? Kính xin Thượng Tọa triển khai thêm về pháp hành của người xuất gia ?

Trả lời: Câu hỏi gồm 2 vế liên hệ đến thực tập và ứng dụng lời Phật dạy trong đời sống cho người tại gia và xuất gia.

Vế đầu của câu hỏi liên hệ đến bát quan trai giới. Chúng ta phải ghi nhận rằng bát quan trai giới là những giới pháp được đức Phật dạy cho những người đang tập sự xuất gia, do đó, không nên truyền và phổ biến cho các Phật tử không có nhu cầu này. Trung Quốc và Việt Nam đang thiên cực trong việc truyền giảng bát quan trai giới vào các tuần chủ nhật hoặc ít nhất nửa tháng một lần tại các chùa. Do không nắm rõ được nguồn gốc và đối tượng tu bát quan trai giới là ai, phương pháp làm đạo này đã khiến cho các quý ông mặc cảm với đức Phật và ngại không cho vợ của mình đi chùa.

Cốt lõi của bát quan trai giới là tập tu hạnh xuất gia trong một ngày, trong đó cái khó nhất là không quan hệ tình dục trong 24 giờ, không dùng trang sức phẩm làm đẹp, không sống một đời sống vương giả, vì vốn những thứ này thúc đẩy sự đòi hỏi tính dục. Các bà, các cô tham dự bát quan trai giới một thời gian, một số ngộ nhận, về nhà... “cắm vận” chồng.

Trung Quốc đã cường điệu rằng tu một ngày bát quan trai giới sẽ thoát khỏi các cảnh giới địa ngục, ngã quỷ, súc sinh và đạt được nhiều kết quả cao quý trong một kiếp người. Thực ra phải tu tập chuyên hóa thường xuyên mới đạt được kết quả đó, chứ không phải một ngày một đêm. Điều này dẫn tới việc nhiều Phật tử nữ “mê” sự thực tập này, vô tình cắm vận chồng, dẫn đến tình trạng sút mẻ hạnh phúc vợ chồng, từ đó, kéo theo tình trạng các quý ông không tán đồng việc vợ, con gái, chị, mẹ... mình đi chùa, vì sợ bị rơi vào thiên cực vừa nêu.

Thực chất, bát quan trai giới là cơ hội tìm người có năng khiếu xuất gia trở thành xuất gia thật. Thời đức Phật có xuất gia đoản kỳ. Trung Quốc đã áp dụng xuất gia đoản kỳ vào ba tháng an cư, hoặc thời điểm thích hợp trong năm, để những Phật tử thuần thành sau thời gian xuất gia thử, nếu thấy thích hợp, phát nguyện đi tu luôn.

Các nước theo truyền thống Nam tông như Thái Lan, Campuchia, Lào biến xuất gia đoản kỳ trở thành cơ hội báo hiếu và xây dựng nhân cách, để xã hội dễ dàng chấp nhận và tôn trọng về sau.

Năm 2007, khi HT. Thích Trí Quảng chủ xướng khóa tu tại Chùa Phổ Quang, thì chúng tôi đã đề xuất với Hòa thượng đặt tên khóa tu là "Một ngày an lạc" chứ không phải là tu bát quan trai giới. Một ngày an lạc thì ai cũng có thể học được. Là Phật tử hay chưa phải là Phật tử, người thọ giới hay chưa thọ giới đều có giá trị

giống như nhau. Khóa tu an lạc thường là một ngày, buổi sáng nghe hai vị giảng sư thuyết giảng, một vị giảng sư lão thành, một vị giảng sư trẻ cùng khai thác một vấn đề từ góc độ và cấp độ khác nhau. Sau đó là thời kinh, ăn cơm trong chính niệm. Đầu giờ chiều có thời vấn đáp Phật pháp, đào sâu vào chuyên đề mà mình được nghe buổi sáng, dưới hình thức các câu hỏi, với sự tham gia của ba cho tới sáu giảng sư cho một buổi hội luận. Sau đó là một thời kinh. Một ngày tu như thế chú trọng vào việc dùng trí tuệ giải quyết các vấn đề nghi vấn và đào sâu vào việc thực tập.

Ngày nay, một số tỉnh thành đã bắt đầu nhân rộng mô hình khóa tu "Một ngày an lạc" và không đặt nặng về việc thọ giới. Giới chính trị, giới thương gia rất ngại tiếp nhận năm điều đạo đức của Phật, vì trong đó có hai điều, người tại gia khó giữ: đối với người nam là giới không ngoại tình và giới không uống rượu, đối với người nữ là giới không ngoại tình và giới không nói dối. Chúng ta nên giới thiệu một đạo Phật minh triết. Đừng quá đặt nặng về đạo Phật giới đức vì người ta sẽ ngại, không dám đến đạo Phật. Chỉ trong những thời điểm thích hợp, chẳng hạn như khóa an cư, ta có thể mở bát quan trai, một ngày, hai ngày, ba ngày, hay một tuần để tìm những người có hạt giống tu trở thành người tu. Không nên sử dụng sai đối tượng và không nên lạm dụng khóa tu bát quan trai giới cho những người không có ý định xuất gia.

Bây giờ, xin nói về pháp hành của người xuất gia. Vào thời đức Phật, bát chính đạo là trọng tâm nhất. Chính kiến và chính tư duy giúp ta có tầm nhìn đúng để đi đến pháp môn đúng, nhờ đó ta dễ dàng đạt được chính niệm, chính định trong quá trình tu tập thiền. Chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tấn là những yếu tố đạo đức, giúp cho chính niệm đạt được như ý. Thực tập chuyển hóa trong các kinh, thực ra là thực tập tứ niệm xứ. Cốt lõi của tứ niệm xứ là xoay quanh việc làm chủ thân và tâm. Quán thân để ta biết thân là vô thường, bất tịnh nên ta không tôn vinh thân như thượng đế, theo kiểu chủ nghĩa vật dụng và hưởng thụ của phương Tây. Ta cũng không xem thân là nguồn gốc tội lỗi như chủ nghĩa khổ hạnh cực đoan của Ấn Độ giáo và Khổng giáo của Trung Quốc.

Khổ đau bám vào thân và tâm. Quán vô ngã trên thân thì các đau nhứt trên thân được loại trừ. Cảm xúc dễ làm chúng ta bị chìm đắm nhất, cho nên phải thực tập làm chủ cảm xúc. Cần thấy rõ được tính nhị nguyên của tâm như tâm thiện, tâm ác, tâm chân, tâm vọng, tâm tốt, tâm xấu, tâm phàm, tâm thánh... để loại trừ các hạt giống tiêu cực, thay thế chúng bằng các hạt giống tích cực trong kho tàng tâm. Tu thật ra là chuyển hóa như vừa nêu. Dựa vào tiêu chí này thì công thức tu của ngài Thần Tú là "chuẩn" so với đức Phật hơn là công thức của ngài Huệ Năng. Pháp tu của ngài Huệ Năng đại diện cho quan điểm của Trung Quốc. Pháp tu của ngài Thần Tú đại diện cho quan điểm của đức Phật gốc.

Các ý niệm trong tâm thường liên hệ đến quá khứ và tương lai. Đức Phật dạy chúng ta cắt đứt ký ức quá khứ, cắt đứt vọng tưởng tương lai để có chính niệm, bây giờ và tại đây. Cốt lõi của phương pháp thiền minh sát tuệ là giúp các hành giả đạt được sự làm chủ các giác quan trong các tư thế: đi, đứng, nằm, ngồi; nói, nín; động, tĩnh; thức, ngủ... Cốt lõi tu chỉ đơn giản như vậy. Làm được chừng đó thôi, chúng ta đã đang đi trên con đường hướng tới thánh và đạt được thánh quả. Cái tu của người xuất gia là thế. Người tại gia đừng nên ngộ nhận và bận tâm tới việc giải thoát như các pháp môn của Trung Quốc khởi xướng.

Trung Quốc đưa ra quá nhiều khẩu hiệu mang tính khích lệ nhiều hơn là mô tả chân lý. Chẳng hạn Thiền tông tuyên bố "ngôi thiền thành Phật", Mật tông tuyên bố "trì chú thành Phật" và Tịnh độ tông tuyên bố "niệm Phật thành Phật". Còn trong

giáo hóa kẻ tội lỗi thì Trung Quốc có những câu nói cường điệu như: “buông dao đồ tể, lập tức thành Phật.”

Khoảng tám tỷ năm nữa trong tương lai đức Phật Di Lặc mới ra đời. Trong chừng ấy tám tỷ năm, không có đức Phật thứ hai, ngoài đức Phật Thích Ca, trên cùng một hành tinh. Nói theo Phật giáo Trung Quốc thì bây giờ Trung Quốc đã có vài trăm, vài ngàn vị Phật do “kiến tánh”, tương tự, trong Tịnh độ tông nhiều vị thành Phật do niệm Phật, và trong Mật tông cũng có nhiều vị thành Phật, do trì thần chú. Thực tế trong một hiện kiếp chỉ có một đức Phật. Nói cách khác, nói phương tiện chỉ mang tính khích lệ, chứ không mô tả chân lý.

Theo kinh Trung Bộ, ngoài bát chính đạo không có thánh nhân, ngoài bát chính đạo không có chính đạo, ngoài bát chính đạo không có giải thoát, ngoài bát chính đạo không có chứng đắc đích thực. Chúng ta không cần phải đi Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, Tây Tạng, Trung Quốc để học đạo, vì cốt lõi của Phật pháp là tứ diệu đế, gọn lại là bát chính đạo; đi đâu cũng chỉ có chừng đó thôi. Có chăng là sự khác nhau trong cách diễn đạt ngôn ngữ của các vị tăng sĩ ở nơi này, nơi kia mà thôi.

Nhờ thực tập và sống theo bát chính đạo mà người tại gia có thể trở thành chân nhân, vì họ tu tập không phải với mục đích giải thoát, và người xuất gia trở thành thánh nhân là vì muốn giải thoát nhờ chính niệm và chính định. Giải thoát là điều người tại gia không làm được, vì còn tham ái (dục ái, hữu ái và vô hữu ái).

Chính định gồm có bốn cấp độ: Sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Cốt lõi của sơ thiền là chuyển hóa tính dục (ly dục sinh hỷ lạc). Không có người tại gia nào đang sống với tình yêu và tính dục có thể đạt được sơ thiền. Do đó, người tại gia không giác ngộ được, không giải thoát được. Ngoại trừ, những người tại gia độc thân, quyết tâm tu giống như các tu sĩ, đúng phương pháp Phật dạy thì có khả năng chứng đắc được sơ thiền, để từ đó đạt được tứ thiền, trên nền tảng này, chứng được Tam minh, trở thành A-la-hán.

Theo kinh A-di-đà, năm tiêu chí vãng sinh Tây phương là có: (i) căn lành lớn, (ii) công đức lớn, (iii) nhân duyên tốt lớn, (iv) quán pháp âm lớn, (v) nhất tâm bất loạn. Căn lành lớn được hiểu là hết tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ và điều này Phật tử tại gia làm không được. Nhưng người Trung Quốc cứ hô hào: giác ngộ, giải thoát, vãng sinh Tây phương trong khi còn nghiệp phàm. Tu tập giải thoát đâu dễ thế. Kinh A-di-đà nói rất rõ Cực lạc Tây phương là nơi “chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”, tức là nơi hội tụ của các bậc thượng thiện. Bậc thượng thiện có nghĩa là từ sơ quả A-la-hán trở lên hoặc bất thoái chuyển về đạo đức và tuệ giác. Bất thoái chuyển là tam quả A-la-hán trở lên, ở đó, không có người phàm.

Tịnh độ tông trong kinh A-di-đà khác hoàn toàn với Tịnh độ tông được Trung Quốc truyền bá. Tịnh độ tông do Trung Quốc truyền bá dựa vào “tín, hạnh, nguyện” vốn không do đức Phật dạy trong các Kinh về Tịnh độ. Không thể tìm ra tín, hạnh, nguyện trong kinh A-di-đà. Nếu theo Tịnh độ tông thì hãy dựa vào kinh A-di-đà làm chuẩn. Khi đạt được năm tiêu chí của kinh A-di-đà nêu ra thì chúng tôi tin chắc rằng lúc đó không ai còn muốn sinh Tây phương Cực lạc làm gì nữa. Lúc đó, người đạt năm tiêu chí vãng sinh đã trở thành thánh, nên đối với họ, ở đâu cũng là cực lạc và niết-bàn. Cốt lõi triết lý của kinh A-di-đà nằm ở chỗ này, chứ không phải sinh Tây phương.

Điều đó cũng giống như Hoa Kỳ yêu cầu các ứng cử viên muốn trở thành công dân của nước này phải có 500,000 Mỹ kim trong tài khoản không sử dụng đến và có công ty làm việc ổn định tại Hoa Kỳ. Nếu ở Việt Nam, người nào có được

500,000 Mỹ kim, chỉ cần gửi tiết kiệm ngân hàng mỗi tháng đã được khoảng 50 triệu đồng Việt Nam rồi, cần gì phải qua Mỹ để thành người mà trong 12 con giáp, tuổi nào cũng là “tuổi con trâu”!

Do đó, cốt lõi tu của người xuất gia, xét cho cùng, chỉ là giới, định và tuệ. Các pháp môn của Trung Quốc không phản ánh được đầy đủ ba phương diện này. Luật tông nhấn mạnh về giới luật. Niết-bàn tông, Hoa nghiêm tông, Pháp hoa tông, Tam luận tông, Câu-xá tông... nhấn mạnh về tuệ. Thiền tông nhấn mạnh về định. Từ kinh điển Pali, A-hàm cho đến Đại thừa, thiền công án và thoại đầu là do Trung Quốc sáng tạo ra, rất xa lạ với thiền của đạo Phật gốc. Từ lâu, chúng ta không mạnh dạn nói việc này vì cả nê Trung Quốc, và nhất là sợ động đến các vị tổ sư. Nếu xét về góc độ truyền thống thì thiền tông Trung Quốc là thiền không chính thống, bởi đức Phật không dạy loại thiền này trong Kinh điển.

Pháp hành của người tại gia thấp hơn rất nhiều so với pháp hành của người xuất gia. Pháp hành tại gia giúp con người trở thành chân nhân, sống hạnh phúc và biết chia sẻ phước báu. Pháp hành xuất gia là tu tập giới-định-tuệ, giúp hành giả trở thành thánh ngay trong đời sống hiện tại này. Hai con đường tại gia và xuất gia hoàn toàn khác nhau. Mười pháp môn của Trung Quốc không pháp môn nào phân biệt giữa pháp hành giữa tại gia và xuất gia. Người tại gia và xuất gia tu cùng một kiểu, đọc cùng một nghi thức, thực tập chung một con đường và cho rằng cả hai đều được giải thoát như nhau. Như vậy là không đúng.

Việc ứng dụng sai lời Phật dạy và không phân biệt các thực phẩm tâm linh dành cho hai đối tượng tại gia và xuất gia đã làm cho Phật giáo Trung Quốc, thông qua đạo Phật pháp môn, dẫn đến việc người ta phải “nhón chân” và “vớ tay” mãi mà không đạt được kết quả tu chứng. Đây chính là sự “cầu bất đắc khổ” mà đức Phật nói trong kinh Chuyển Pháp luân. Người tại gia không thể giải thoát được mà yêu cầu họ, khích lệ họ cần giác ngộ, cần giải thoát. Cho nên nhiều tu sĩ, Phật tử tu theo phong cách này một thời gian thì tự nhiên muốn rũ bỏ mọi trách nhiệm gia đình và xã hội, họ tưởng mình đã được tiến bộ. Thực ra đó là sự thiếu tinh tấn, là mất kiên trì, trái với đức Phật dạy.

Phật tử tại gia tiêu biểu thời đức Phật có mười cư sĩ nam, trong đó điển hình nhất là Cấp Cô Độc và mười cư sĩ nữ, trong đó điển hình nhất là Visakha. Hai ông bà này là các đại gia, vẫn tiếp tục làm giàu cho đến cuối đời và đồng thời họ dần thân làm Phật sự và thiện sự. Nhờ tu đúng lời Phật dạy, họ phụng sự xã hội năng động hơn, chứ không phải tu rụt, tu rì theo kiểu ngày mai sẽ chết. Nhiều người tu cực đoan chỉ cần biết gõ mõ, tụng kinh là hết, nhấn mạnh đến các khóa lễ tín ngưỡng. Hướng làm đạo theo phong cách của đức Phật bị mất dần trong đạo Phật tổ sư. Đó là sự khác biệt giữa pháp hành của người tại gia và xuất gia.

Câu hỏi 5: Hiện tại pháp môn niệm Phật đang rất phổ biến tại Việt Nam cũng như Trung Quốc và Đài Loan. Thượng tọa cũng đã giải thích, để được về Tây phương thì phải loại trừ tham, sân, si, còn đối với một người xuất gia muốn đạt được đến sự giải thoát chắc chắn phải tu tập giới-định-tuệ. Kinh A-di-đà có nói đến cảnh giới Tây phương cực lạc. Con muốn hỏi: Đức Phật A-di-đà có hay không, và khi niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà thì có được sanh về thế giới Tây phương hay không?

Trả lời: Để thảo luận vấn đề này chúng ta nên phân biệt hai khái niệm “Đức Phật lịch sử” và “Đức Phật tôn giáo”.

“Đức Phật lịch sử” là khái niệm chỉ đức Phật Thích Ca, một con người thật, từ các việc tu tập thật cho nên đã biến thân phàm của mình trở thành bậc tuệ giác đầu tiên trong lịch sử tư tưởng của nhân loại ở tuổi 35 và qua đời ở tuổi 80. Đức Phật lịch sử cũng giống như bao nhiêu con người bình thường khác, cũng từng sai lầm trong quá trình học đạo, suýt chết vì sáu năm tu khổ hạnh, cho tới khi phát hiện ra con đường trung đạo là bát chính đạo, trở thành bậc giác ngộ đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Lấy hành tinh mà chúng ta đang sống làm hệ quy chiếu, chỉ có một đức Phật lịch sử duy nhất là đức Phật Thích Ca. Không có đức Phật thứ hai.

Khái niệm “Đức Phật tôn giáo” phát triển trong giai đoạn Phật giáo Đại thừa phát triển, sớm nhất là thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch, đỉnh cao nhất của nó là thế kỷ thứ nhất Tây lịch. Đại thừa có hai trường phái: Đại thừa Ấn Độ gồm có tông Du Già truyền bá về Duy thức học và tông Trung quán, truyền bá về trí tuệ phá chấp, và trường phái Đại thừa Trung Quốc lập ra mười tông phái Phật giáo Trung Quốc, mà hiện nay ngự trị và ảnh hưởng các nước theo Đại thừa.

Đại thừa Trung Quốc không phải là Đại thừa gốc của Ấn Độ, vì Đại thừa Trung Quốc đề cao “Đức Phật tôn giáo. Ngay cả đức Phật Thích Ca lịch sử họ cũng tô vẽ lên một hình ảnh đức Phật tôn giáo đang đóng kịch (thị hiện). Phật giáo Trung Quốc đặt ra khái niệm “thị hiện”, theo đó đức Phật đóng kịch với vai của vị thánh đã giác ngộ, xuống trời Đâu Suất làm Bồ-tát Hộ Minh, sau đó nhập thai vào thánh mẫu Maya, mấy tuổi đã biết ngồi thiền, 19 tuổi giả vờ làm đám cưới với công chúa Da-du-đa-la, sau đó đi tu, năm năm tìm đạo sai, sáu năm tu tập khổ hạnh sai, rồi giác ngộ ở tuổi 30. Theo thuyết này, toàn bộ giai đoạn từ mới sinh ra cho đến tuổi 30 của đức Phật là đóng kịch, là giả vờ. Đó là quan niệm về đức Phật tôn giáo, hoàn toàn là một sản phẩm ý thức của Đại thừa Trung Quốc, không có trong đạo Phật Đại thừa tại Ấn Độ.

Từ đức Phật tôn giáo đó Trung Quốc mở rộng thêm số lượng các đức Phật như Tam Thiên Phật, Vạn Phật... Đây là điều do Phật giáo Trung Quốc đặt ra, không có trong Phật giáo Đại thừa ở Ấn Độ. Đức Phật A-di-đà là một trong các đức Phật tôn giáo, xuất phát từ Ấn Độ và được Trung Quốc đề cao. Kinh A-di-đà có gốc rễ từ tiếng Sanskrit tại Ấn Độ, điều đó không ai phủ định. Hình ảnh đức Phật A-di-đà trong kinh A-di-đà là một biểu tượng sâu sắc.

Tôi vừa phân tích trong câu hỏi trước đây, Tây phương Tịnh độ không quan trọng, do vậy, đức Phật A-di-đà có thật hay không cũng không quan trọng. Quan trọng là chúng ta phải hội tụ được: (i) căn lành lớn (tức thoát khỏi tham, sân, si), (ii) có công đức lớn (tức là nhập thể và làm các việc công đức), (iii) tạo nhân duyên tốt lớn (là mở đạo tràng cho mọi người cùng tu), (iv) quán pháp âm lớn (là lấy dữ liệu Ta-bà xây dựng Tịnh độ hiện tiền) và (v) nhất tâm bất loạn, tức cốt lõi của chính niệm và chính định trong bát chính đạo.

Nghĩa đen của chữ A-di-đà trong ngôn ngữ Sanskrit là trí tuệ không giới hạn (Vô lượng quang). Trung Quốc đặt thêm hai nội dung mới là Vô lượng công đức và Vô lượng thọ, tức là tuổi thọ không giới hạn, trái với quy luật sinh, già, bệnh, chết mà đức Phật đã công bố, đồng thời, cũng trái với quy luật thiên nhiên. Vô lượng thọ là điều không có thật. Phật giáo Trung Quốc thêm thắt thứ này thứ nọ để dẫn dụ quần chúng đi theo các tông phái Phật giáo của họ.

Trên thực tế, “bốn mươi tám lời nguyện” trong Tịnh độ tông của Trung Quốc không phải của đức Phật A-di-đà như đã bị ngộ nhận và truyền bá trong nhiều thế kỷ qua. Bốn tám lời nguyện thực chất là của thầy tỷ-kheo Pháp Tạng, khi còn là một

phàm tăng, giống bao nhiêu các tu sĩ phàm khác. Khi còn là một người phàm, chúng ta được quyền phát nguyện.

Phát nguyện là một ứng dụng nhỏ của lòng từ bi. Phát nguyện là thể hiện sự quan tâm của chúng ta với chúng sinh khổ đau và với cuộc đời bất hạnh. Hồi hướng công đức cũng là một ứng dụng nhỏ của lòng từ bi, có nghĩa là “ngoái nhìn về, quan tâm về, quan hoài đến” nỗi khổ niềm đau của tha nhân. Phát nguyện dẫn đến hồi hướng công đức. Hồi hướng công đức dẫn đến phát nguyện. Phát nguyện và hồi hướng là cặp bài trùng, hỗ trợ lẫn nhau.

Ứng dụng của lòng từ bi theo đức Phật là tạo ra các hành động phụng sự cụ thể, như đức Phật đã yêu cầu sáu mươi vị A-la-hán đầu tiên: “Này các tỳ kheo, mỗi người nên đi một đường, hai người không nên đi trùng hướng nhau để mang lại hạnh phúc, an lạc cho số đông, cho chư thiên và loài người.” Đức Phật xác định tông chỉ của Ngài là phụng sự nhân sinh.

Do vì ngộ nhận bốn mươi tám lời nguyện là của đức Phật A-di-đà nên rất nhiều Phật tử, ngay cả các pháp sư Tịnh độ tông của Trung Quốc đã mê tín khi cho rằng chỉ cần niệm mười niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà là được vãng sinh Tây phương Cực lạc. Điều này là không thể được, vì phi nhân quả. Nếu chỉ niệm Phật mười niệm mà sinh Tây phương Cực lạc được thì Đức Phật đã chẳng phải nhọc công 45 năm thuyết pháp với gần ba chục ngàn bài kinh để giúp con người thoát khỏi vô minh và khích lệ sự thực tập giới-định-tuệ để nâng cao đời sống tinh thần.

Phương tiện có khi là con dao hai lưỡi, mặt tích cực cũng nó mà tác dụng phụ cũng nó. Khi tu Tịnh độ tông, hành giả không nên dựa vào bốn mươi tám lời nguyện của thầy Pháp Tạng. Có lẽ dựa vào đây mà Trung Quốc đặt ra pháp tu gồm ba yếu tố: tín, hạnh và nguyện, vốn rất xa lạ với tông chỉ vãng sinh Cực lạc trong kinh A-di-đà.

Chúng tôi kính đề nghị ai tu theo Tịnh độ tông thì nên dựa vào hai bài kinh căn bản: Thứ nhất là kinh A-di-đà, chú trọng năm tiêu chí vãng sinh Tây phương, như đã nêu trên, và thứ hai là Kinh niệm Phật Ba la mật, vì trong kinh này, ngoài chương nói về thần chú vốn được biên tập về sau, thì nội dung còn lại chứa đựng các triết học của đạo Phật Đại thừa. Không có triết học Đại thừa nào mà không có Kinh niệm Phật Ba la mật. Tu theo hai bài kinh này, người theo Tịnh độ sẽ không ăn những chiếc “bánh vẽ”, không đặt nặng vào sự cầu nguyện và phát nguyện; hành giả Tịnh độ trở thành những người phát triển trí tuệ, năng động, nhập thế để xây dựng Tịnh độ trong từng ngôi nhà và ở nơi làm việc. Đó một Tịnh độ nhân gian, khác với Tịnh độ Tây phương được Tịnh độ tông của Trung Quốc chủ xướng.

Trung Quốc có hai phương pháp Tịnh độ. Tịnh độ nhân gian được Hòa thượng Tinh Vân khởi xướng qua ba phương diện: Xây dựng Tịnh độ qua giáo dục, xây dựng Tịnh độ qua văn hóa, xây dựng Tịnh độ qua từ thiện. Về giáo dục thì Hòa thượng có trường đại học Tây Lai ở Hoa Kỳ, ba trường đại học được Bộ Giáo dục thừa nhận ở Đài Loan, nhiều trường tiểu học và trung học cho giới chính trị và giới kinh doanh gửi con đến học. Hòa thượng có đài truyền hình Phật giáo, có tờ nhật báo Nhân gian phước báo, có nhiều tạp chí Phật giáo để phục vụ cho việc giáo dục Phật giáo. Về văn hóa, trong số gần ba trăm ngôi chùa ở năm châu lục, nhiều chùa có viện bảo tàng để giới thiệu về văn hóa Phật giáo, có thư viện lớn để giới thiệu về triết lý Phật giáo, có phòng thiền trà lớn để trải nghiệm thiền, có phòng thư pháp để trải nghiệm văn hóa chữ viết của Trung Quốc, có nhà hàng buffet chay để du khách có thể ở lại trong đó một ngày cho đến nhiều ngày và có khách sạn chuẩn ba sao đến năm sao để dành cho những người sang trọng muốn ở lại tu tập tại Chùa lâu hơn.

Về phương diện nhập thế, hòa thượng Tinh Vân là người phá kỷ lục. Về hoạt động từ thiện, hòa thượng cứu trợ các nạn nhân thiên tai, người già, người tàn tật, người khiếm thính, khiếm thị, trẻ mồ côi... Ba phương diện hoạt động này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của kinh A-di-đà và kinh niệm Phật Ba la mật, và rất phù hợp với tông chỉ nhập thế của đức Phật Thích Ca.

Tịnh độ Tây phương phổ biến nhất hiện nay là do Hòa thượng Tịnh Không chủ trương. Tịnh độ tông đó có nhiều mê tín, đi theo một thiên cực. Nếu tiếp tục hưởng ứng và truyền bá Tịnh độ này thì Phật giáo Việt Nam sẽ đi vào con đường suy vong. Tịnh độ tông do HT. Tịnh Không chủ trương mỗi ngày phải lạy 500 lạy thì còn thời gian đâu để dành cho việc phụng sự người thân và xã hội? Suốt ngày chỉ biết niệm Phật, lạy Phật, sám hối... thì còn thời gian đâu để làm việc thiện và Phật sự! Cách tu cực đoan này làm cho những người tại gia trở thành những người thiên cực, bỏ bê công ăn việc làm, chỉ tu để mong sớm được vãng sinh Tây phương.

Năm 2012, có một lần HT. Tịnh Không bị hớ, vì chủ trương ngày 21/12/2012 là tận thế theo niềm tin mê tín của lịch cổ Maya. Điều này đã khiến cho nhiều người bỏ công ăn việc làm, ngồi ở nhà chờ chết tập thể với những người thân. Vì mặc cảm dân tộc, nhiều người Việt Nam cứ chuộng ngoại, chạy theo Tịnh độ tông cực đoan như vừa nêu, vô tình làm chết đạo Phật Việt Nam.

Trên thực tế, cũng khó trách HT. Tịnh Không được vì Hòa thượng không được học Phật pháp tại trường Phật học đến nơi đến chốn, mà chỉ học Phật pháp với cư sĩ Lý Bình Nam. Bản thân cư sĩ Lý Bình Nam cũng không học Phật pháp bài bản ở các trường lớp Phật học. Do đó, những giới hạn về tri thức Phật pháp ở HT. Tịnh Không là điều dễ hiểu và thông cảm được.

Truyền bá Tịnh độ tông Tây phương theo kiểu thiên cực nêu trên sẽ làm cho người ta mê chấp, vì sự hứa hẹn vãng sinh Tây phương thông qua hộ niệm vãng sinh với các thoại tướng vốn do Trung Quốc đặt ra, không do đức Phật dạy. Do lòng tham dẫn dắt mà rất nhiều người chạy theo Tịnh độ tông kiểu này, tu quá đơn giản, quá dễ. Thực tế, nếu không hội đủ năm tiêu chí như kinh A-di-đà đã nêu thì dù cho có được “hộ chiếu Tây phương” đi nữa, cũng bị “từ chối Visa” thôi, vì nghiệp quyết định cảnh giới tái sinh chứ không phải ước muốn của con người quyết định. Ta nên nhớ điều này.

Dù cho các vị Phật có phát nguyện thế nào đi nữa, trong độ sinh, các ngài không thể làm ngược lại với tứ diệu đế. Đó là lời đức Phật Thích Ca đã khẳng định. Phật quá khứ truyền bá Tứ diệu đế. Phật hiện tại, tức Phật Thích Ca truyền bá Tứ diệu đế. Phật tương lai, tức Phật Di Lặc cũng truyền bá Tứ diệu đế.

Về điều này, đức Phật đưa ra ẩn dụ về con đường đến tòa lâu đài. Giống như tòa lâu đài bị che giấu và ẩn khuất ở trong rừng sâu nhiều năm, Ngài may mắn tìm ra được con đường đi đến tòa lâu đài đó, mở được các cánh cửa, đi vào bên trong, nhìn thấy các báu vật. Trong ẩn dụ này, các báu vật được hiểu là tứ diệu đế. Đức Phật truyền bá lại báu vật đó bằng cách vẽ con đường (tức các kinh điển) và hiến tặng miễn phí cho chúng. Đức Phật cho rằng Ngài không phải là tác giả của chân lý. Đức Phật chỉ là người khám phá ra chân lý. Chân lý đã có sẵn. Đức Phật chỉ đường chân lý. Các đức Phật quá khứ và đức Phật tương lai cũng chỉ là người chỉ đường. Bát chính đạo là con đường. Công bố Bát chính đạo là truyền bá con đường giải phóng khổ đau.

Dù phát nguyện là một phần của tâm từ bi, ta không thể làm đạo trên nền tảng phát nguyện đơn thuần được. Nên nhớ rằng “câu bất đắc khổ” là một trong tám loại khổ thuộc về tinh thần. Do đó ta đừng bận tâm là Phật A-di-đà có thật hay

không, Tây phương Tịnh độ có thật hay không. Triết lý của Tịnh độ tông nằm ở chỗ, khi đạt được công đức lớn, căn lành lớn, nhân duyên tốt lớn, quán pháp âm lớn và nhất tâm bất loạn thì người đó đã trở thành thánh nhân trong hiện tại rồi. Thánh nhân có mặt ở chỗ nào thì cực lạc, niết bàn có mặt ở chỗ đó. Đó là chiều sâu của kinh A-di-đà. Sẽ là sai lầm nếu ta tu Tịnh độ theo cách “yếm Ta-bà, hân Tịnh độ,” do Trung Quốc chủ trương. “Yếm Ta-bà” là chán ghét Ta-bà, mà chán ghét thuộc về tâm sân. Đang khi, “hân Tịnh độ” là đam mê, thuộc về tâm tham. Xây dựng pháp môn trên tâm sân và tâm tham thì không thể có được chính niệm và chính định.

Giữa hai trường phái Tịnh độ tông nêu trên (Tịnh độ nhân gian và Tịnh độ Tây phương), tôi khích lệ Tịnh độ tông nhân gian theo mô hình của HT. Tinh Vân, vốn rất chuẩn. Rất tiếc là mô hình Tịnh độ tông nhân gian đó ít được biết đến tại Việt Nam, bởi vì nó đi đúng đạo Phật gốc, đúng đạo Phật nguyên chất. Tịnh độ tông nhân gian khích lệ tinh thần tự lực, tự mình thấp đuốc lên mà đi. Con người dễ làm biếng, dễ ỷ lại, không muốn làm gì nhiều mà muốn có thành quả lớn. Đó là tâm lười cộng với tâm tham, bị chi phối bởi tâm vô minh. Người ta có thể chạy theo hình thức Tịnh độ tông Tây phương và kết cục là tự mình bị thiệt thòi và trở thành nạn nhân của cách tu không phù hợp với bát chính đạo.

Trong lúc làm đạo, các tăng sĩ nên tránh tình trạng mong có quần chúng nhiều, quần chúng sớm mà truyền bá một đạo Phật mê tín. Dụ dỗ người khác thì rất dễ nhưng rồi chúng ta không thể thoát khỏi luật nhân quả. Có quần chúng để làm gì nếu họ hiểu sai đạo Phật, làm sai những điều Phật dạy? An ủi những người khổ đau có nhiều cách. Lời dạy của đức Phật là triết lý sâu sắc. Không xem mình là nạn nhân là cách góp phần kết thúc khổ đau. Không xem người khác là tác giả của khổ đau, ta sẽ không gây tạo thêm hận thù chông chát. Để có các công bằng xã hội mà mình xứng đáng được hưởng, ta được quyền nhờ đến luật pháp, trong vài tình huống, chứng minh mình vô tội. Để làm công việc đó, chúng ta có thể nhờ đến luật sư nhưng đừng để tâm sân chi phối, dẫn dắt. Không nên tìm đến sự an ủi bằng những điều mang tính hứa hẹn quá nhiều, giá trị thật của hứa hẹn không cao.

Nói tóm lại, tu theo Tịnh độ tông phải dựa vào kinh A-di-đà và Kinh niệm Phật Ba la mật. Tịnh độ tông phương tiện thì hứa hẹn nhiều. Nên nhớ lời hứa hẹn không phải là hiện thực, đừng để cho lời hứa hẹn dẫn dắt chúng ta.

Trong quá trình làm đạo, chúng tôi kính mong chư tôn đức Tăng Ni đừng bận tâm và thiên nặng về lời phát nguyện đơn thuần. Hãy bận tâm đến chủ nghĩa hành động cụ thể. Thay vì lời cầu nguyện mơ hồ và thiếu thiết thực như “cầu cho tất cả chúng sinh đều thành Phật” thì mỗi người Phật tử hãy phát nguyện mỗi năm tôi phải độ được một vài người thân và bạn bè làm Phật tử. Làm như thế, trong một kiếp người sáu bảy chục năm, ta độ được tối thiểu sáu bảy chục người làm Phật tử. Vậy là tạo nhân duyên tốt lớn rồi và có được công đức lớn rồi. Nếu lúc nào cũng nói “cầu cho chúng sinh” thế này, thế kia mà chẳng làm gì hết, chỉ ngồi niệm và cầu nguyện đơn thuần thì không thể có kết quả được.

Trong kinh Trung bộ, đức Phật đưa ra ẩn dụ vắt sữa bò ở sừng, lưng, chân... của con bò cái, dù có ước nguyện chân thành cũng không thể có sữa bò được. Phải vắt sữa ở vú bò mới có sữa được. Ý đức Phật muốn nói rằng ước nguyện chỉ là một yếu tố tâm lý, giúp ta vững tin trên con đường mà chúng ta đang làm. Người mê tín nghĩ rằng do cầu nguyện, do phát nguyện mà tôi được cái này, cái khác.. là không đúng. Phải làm, phải có trí tuệ, có nỗ lực tinh tấn, có kiên trì không gián đoạn mới có kết quả. Cùng là một vấn đề, người hiểu đúng Phật giáo sẽ lý giải theo nhân quả, người “lơ tơ mơ” sẽ lý giải bằng màu nhiệm và ban phước.

Đạo Phật không phải là đạo màu nhiệm, mà là đạo trí tuệ. Trong bát chính đạo không có cầu nguyện, không có trì chú. Đức Phật nói trong Kinh Trung bộ rằng ai sống với nghề trì chú là đang sống với tà hạnh và không thể đạt được đạo đức cao. Trong ba bộ Veda thời đức Phật, có một bộ chứa đựng mấy ngàn câu thần chú. Mấy trăm năm sau khi Đức Phật qua đời, các tu sĩ Ấn Độ vay mượn thần chú của Bà-la-môn giáo, giới thiệu vào đạo Phật. Qua đến Trung Quốc thì Trung Quốc sáng tác thêm bài kinh Thủ Lăng Nghiêm để mặc nhiên thừa nhận thần chú là lời Phật dạy. Đại đa số quần chúng chạy theo Tịnh độ tông và Mật tông vì họ được hứa hẹn, họ bị nghiện phước báu, nghiện Cực lạc, nghiện hạnh phúc mà không cần phải làm nhiều, tu tập nhiều. Tu bát chính đạo thì nghiêm túc và khó hơn. Vấn nạn nằm ở đó.

Đức Phật dạy chúng ta: “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, hãy tự mình xây dựng hòn đảo cho chính mình, không nương tựa vào một ai khác, không lệ thuộc vào bất cứ cái gì khác, lấy chính pháp và đạo đức làm nơi nương tựa.” Chính pháp và đạo đức là thầy của chúng ta, chứ không phải thần chú và danh hiệu Phật.

Trong thời đức Phật, niệm Phật là niệm danh từ chung, khác với Trung Quốc niệm danh từ riêng. Niệm danh từ chung là niệm mười đức hiệu của đức Phật, gồm có Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Do vậy, mỗi khi niệm mười đức hiệu này, chúng ta phải nỗ lực đạt được các nhân cách Phật nêu trên. “Ứng cúng” là đáng cúng dường, muốn đáng cúng dường phải có giới hạnh thanh cao. Niệm Phật theo cách này là cách tu và học theo nhân cách Phật để đạt được các nhân cách vĩ đại đó.

Qua đến Trung Quốc, niệm Phật trở thành niệm danh từ riêng: “Nam Mô A-di-đà Phật”. Về sau, người ta cường điệu hóa năng lực màu nhiệm của đức Phật A-di-đà qua bốn mươi tám lời nguyện của thầy Pháp Tạng, vốn không phải của đức Phật A-di-đà. Phật giáo Tịnh độ tông của Trung Quốc mặc nhiên xem thầy Pháp Tạng là hóa thân của Phật A-di-đà và truyền bá bốn mươi tám lời nguyện đó như là chân lý của đức Phật A-di-đà. Đó là ngộ nhận cần điều chỉnh.

Hai cách niệm Phật danh từ chung và danh từ riêng nêu trên hoàn toàn khác nhau. Niệm Phật danh từ chung là cách niệm để học các đức hiệu tốt đẹp để đạt được chính niệm. Niệm Phật danh từ riêng là để cầu phước báu vãng sinh Tây phương. Muốn đạt tới chính niệm thì phải loại trừ hết tất cả các ước nguyện.

Đang niệm Phật mà để cho ước nguyện, phát nguyện, hay hồi hướng công đức xen lẫn vào thì hành giả không còn chính niệm nữa, vì đang bị vọng niệm và tham chi phối. Khi niệm Phật đúng cách thì không cầu nguyện đang lúc niệm. Khi kết thúc thời niệm Phật rồi mới hồi hướng công đức. Lúc đó, hành giả đang thực tập từ bi, hướng tâm về người khác. Từ việc hướng tâm về tha nhân một cách tích cực, ta mới có các hành động phụng sự con người một cách cụ thể, như một hệ quả kéo theo sau.

Ngày nay, phần lớn chúng ta ít chú trọng đến hành động từ bi cụ thể, mà chỉ tập chung vào phát nguyện. Cuối cùng, tu theo cách này là “tu trên mây”, tu thiếu hiện thực và tu thiếu nhập thế.

Cần xác nhận ở đây rằng tôi không tấn công cá nhân, không phê phán Tịnh độ tông, mà chỉ nói về các hình thái của Tịnh độ tông, phái nào gần với đạo Phật gốc và phái nào quá xa với đạo Phật gốc. Sự lựa chọn còn lại là của người đọc và nghe mà thôi. Đúng hay sai tùy mọi người phán xét. Chúng tôi không tư biện. Chúng tôi dựa vào kinh điển để đánh giá vấn đề, chứ không dựa vào thành kiến, định kiến cá nhân, thể hiện quan điểm với một trường phái hay con người nhất định nào đó. Mục

đích duy nhất của chúng tôi là làm thế nào để truyền bá lời Phật dạy một cách chính xác, giúp quần chúng lắng nghe, rồi áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hàng ngày, để đạt được an lạc, hạnh phúc, bây giờ và tại đây.